

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/18/BB-ĐG/ĐG-VAE

Hung Yên, ngày 05 tháng 07 năm 2018

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên
Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017

A. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH:

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 13/LB-TT ngày 18/08/1994 của Liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Quyết định số 238/BXD -VLXD ngày 29/09/1989 của Bộ Xây dựng về việc ban hành tỷ trọng các kết cấu chính của nhà;
- Thông báo số 347/TB-SXD ngày 28/12/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình xây dựng khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Thông báo số 348/TB-SXD ngày 28/12/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành chỉ số giá xây dựng quý IV năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Thông báo số 265/TB-SXD ngày 19/12/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành chỉ số giá xây dựng quý IV năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Thông báo số 39/TB-SXD ngày 07/03/2014 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành chỉ số giá xây dựng quý IV năm 2013 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Thông báo số 12/TB-SXD ngày 18/01/2013 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành chỉ số giá xây dựng quý IV năm 2012 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Quyết định số 410/QĐ-BXD ngày 31/03/2010 của Bộ Xây dựng về việc ban hành chỉ số giá xây dựng từ năm 2005 đến năm 2009;
- Quyết định số 1601/BXD-VP ngày 25/07/2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành chỉ số giá xây dựng từ năm 2001 đến năm 2007;
- Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2015-2016;



- Quyết định số 05/QĐ-CT ngày 12/01/2016 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty;
- Quyết định số 06/QĐ-BCĐ ngày 12/01/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa – Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty;
- Quyết định số 128/QĐ-CT ngày 15/09/2016 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên về việc thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2016;
- Quyết định số 1407/1998/QĐ-UB ngày 01/08/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thành lập Công ty Thị chính Hưng Yên;
- Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc chuyển đổi Công ty Thị chính Hưng Yên thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên, Mã số doanh nghiệp 0900166551, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 02/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/04/2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp cho Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;
- Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án chia tách Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước thành phố Hưng Yên;
- Biên bản bàn giao vốn, tài sản ngày 02/03/2017, giữa Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước thành phố Hưng Yên, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên và Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm 31/12/2016;
- Công văn số 6096/BGTVT-KHCN ngày 28/09/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản là phương tiện vận tải, thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải;
- Công văn số 5807/BCT-TC ngày 29/06/2011 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản là máy móc thiết bị;
- Công văn số 1326/BXD-QLN ngày 08/08/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định là nhà, vật kiến trúc;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên cho các năm tài chính 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;
- Tờ trình số 58/TTr-CT ngày 06/12/2017 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa;
- Tờ trình số 1064/TTr-STNMT ngày 08/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc đề nghị phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên;
- Hồ sơ kiểm kê của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên tại thời điểm 31/12/2017;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 73-16/HĐ-ĐG/ĐG-VAE ngày 25/07/2016 ký giữa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;



- Phụ lục hợp đồng số 08-18/PLHD-ĐG/ĐG-VAE ngày 23/01/2018 ký giữa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về việc điều chỉnh một số điều khoản trong hợp đồng số 73-16/HĐ-ĐG/ĐG-VAE ngày 25/07/2016;
- Phụ lục hợp đồng số 34-18/PLHD-ĐG/ĐG-VAE ngày 27/04/2018 ký giữa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 31/12/2017;
- Công văn số 13/STC-BCĐCPH ngày 03/01/2018 của Ban chỉ đạo CPH tại doanh nghiệp về việc xác định giá trị doanh nghiệp theo Nghị định số 126/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ;
- Công văn số 825/UBND-TH ngày 05/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;
- Biên bản kiểm kê thực tế tài sản tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp ký giữa đại diện Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên với đại diện nhóm định giá Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Chứng thư Thẩm định giá số 1512/2017/CT-VTA/ĐS ngày 15/12/2017 do Công ty TNHH Thẩm định giá và Đại lý Thuế Việt Nam phát hành;
- Kết quả khảo sát thông tin thị trường liên quan đến các tài sản định giá;
- Căn cứ các tài liệu có liên quan khác.

B. THÀNH PHẦN THAM GIA:

I. Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1. Ông Trần Quốc Tuấn | Tổng Giám đốc – Thẩm định viên quốc gia |
| 2. Ông Bùi Trần Việt | Giám đốc Nghiệp vụ Định giá – Thẩm định viên quốc gia |
| 3. Ông Lê Trọng T. Phương | Thẩm định viên quốc gia |
| 4. Ông Trần Sơn Tùng | Chuyên viên |

II. Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------------------------|
| 1. Ông Lê Tiến Dũng | Chủ tịch Công ty |
| 2. Ông Trương Quốc Trân | Giám đốc |
| 3. Ông Vũ Đức Minh | Phó Giám đốc |
| 4. Ông Trần Công Đức | Phó Giám đốc |
| 5. Bà Phạm Thị Vân Anh | Kế toán trưởng |
| 6. Bà Phạm Thị Tuyết | Trưởng phòng Tổ chức hành chính |
| 7. Bà Phạm Thị Thu Lan | Phó trưởng phòng Kế toán – Tài vụ |
| 8. Ông Hà Minh Thọ | Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật |
| 9. Ông Đào Trường Giang | Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật |
| 10. Bà Đỗ Thị Thịnh | Trưởng phòng Kinh doanh – Dịch vụ |
| 11. Ông Lưu Trí Hưng | Phó trưởng phòng Kinh doanh – Dịch vụ |
| 12. Bà Hoàng Thị Tuyết Minh | Đội trưởng đội Vệ sinh môi trường |
| 13. Ông Trịnh Minh Thắng | Đội trưởng đội Quản lý công viên cây xanh |
| 14. Ông Lê Văn Khả | Đội trưởng đội Xe cơ giới |
| 15. Ông Nguyễn Thanh Phúc | Đội trưởng đội Kiểm tra QTĐT, Bảo vệ |
| 16. Ông Dương Minh Nghĩa | Đội trưởng đội Tang lễ |
| 17. Ông Phạm Đình Long | Đội phó phụ trách đội Quản lý công viên cây xanh |
| 18. Ông Vũ Lâm Sơn | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh |

10/01/2018
 C
 M
 V
 G

D. PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ NGUYÊN NHÂN TĂNG GIẢM:

I. CÁCH TIẾP CẬN TỪ CHI PHÍ - PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN:

1. Nguyên tắc chung:

- a) Giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị của toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp mà người mua, người bán cổ phần đều chấp nhận được.
- b) Giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa không bao gồm các khoản sau:
 - Tài sản do doanh nghiệp cổ phần hóa thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận góp vốn liên doanh, liên kết và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp.
 - Tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, chờ thanh lý.
 - Tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.
 - Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi (nếu có).
 - Các khoản đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa không kế thừa.
- c) Các khoản không tính vào giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định theo số liệu trên Báo cáo tài chính và Hồ sơ kiểm kê của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2017.
- d) Giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bằng giá trị thực tế của doanh nghiệp trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả và số dư nguồn kinh phí sự nghiệp.

2. Đối với tài sản là hiện vật:

- Chỉ đánh giá lại những tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty cổ phần tiếp tục sử dụng. Không đánh giá lại tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và tài sản nhận giữ hộ.
- Giá trị thực tế của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm tổ chức định giá nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá.

Trong đó:

e) Giá thị trường:

- *Đối với máy móc thiết bị và phương tiện vận tải:* Giá tài sản mới cùng loại đang mua, bán trên thị trường bao gồm cả chi phí vận chuyển lắp đặt (nếu có). Nếu là tài sản đặc thù không có trên thị trường thì giá mua tài sản được tính theo giá mua mới của tài sản tương đương, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Trường hợp trên thị trường không có bán sản phẩm mới tương đương thì tính theo giá tài sản trên sổ kế toán.
- *Đối với nhà, vật kiến trúc:* Nguyên giá được xác định lại căn cứ theo đơn giá xây dựng cơ bản quy định tại Thông báo số 347/TB-SXD ngày 31/12/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc ban hành đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình xây dựng khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đối với các công trình mới hoàn thành đầu tư xây dựng trong 03 năm trước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì sử dụng giá trị quyết toán công trình



đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng đã đưa vào sử dụng thì tính theo giá ghi trên sổ kế toán. Riêng đối với tài sản là các hệ thống thoát nước của Bộ phận Thoát nước (*Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước thành phố Hưng Yên bàn giao*) mà Công ty TNHH Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2017, thẩm định viên ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 1512/2017/CT-VTA/ĐS ngày 15/12/2017 do Công ty TNHH Thẩm định giá và Đại lý Thuế Việt Nam phát hành.

f) Chất lượng của tài sản được xác định bằng tỷ lệ phần trăm so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới hoặc đầu tư xây dựng mới, phù hợp với các quy định của Nhà nước về điều kiện an toàn trong sử dụng, vận hành tài sản; đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất; vệ sinh môi trường theo hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật. Cụ thể:

- *Chất lượng còn lại của TSCĐ là nhà, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và dụng cụ quản lý:* Được xác định căn cứ theo hai phương pháp là Thống kê – kinh nghiệm và Phân tích kinh tế - kỹ thuật, vận dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/LB-TT ngày 18/08/1994 của Liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ và Công văn số 5807/BCT-TC ngày 29/06/2011 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định:

+ *Phương pháp thống kê kinh nghiệm:* So sánh thời gian thực tế đã sử dụng của tài sản cố định với tổng số năm sử dụng cao nhất của tài sản được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ *Phương pháp chuyên gia đánh giá hao mòn thực tế theo tỷ trọng các bộ phận chính cấu thành tài sản cố định:* Đánh giá thực tế từng tài sản trên cơ sở kỹ thuật chia tài sản cố định thành những bộ phận chính, đánh giá tỷ lệ thực tế hao mòn của từng bộ phận và tổng hợp lại theo phương pháp bình quân gia quyền để xác định tỷ lệ hao mòn thực tế của tài sản cố định.

- *Chất lượng còn lại của TSCĐ là phương tiện vận tải, thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải:* Được xác định theo phương pháp chuyên gia đánh giá hao mòn thực tế theo hướng dẫn tại Công văn số 6096/BGTVT-KHCN ngày 28/09/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản là phương tiện vận tải, thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải. Riêng đối với các hạng mục tài sản đi ngầm (đường ống), do không thể tiến hành kiểm kê hiện trạng nên chất lượng còn lại được xác định theo Phương pháp thống kê kinh nghiệm (không thấp hơn 20%).

- Chất lượng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được đánh giá lại không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới; của nhà, vật kiến trúc không thấp hơn 30% so với chất lượng của tài sản cùng loại đầu tư xây dựng mới.

- Công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng công ty cổ phần tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại để tính vào giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới.

3. Đối với tài sản bằng tiền và các khoản tương đương tiền:

- *Tiền mặt:* Được xác định theo biên bản kiểm kê quỹ tại thời điểm 31/12/2017.



- *Tiền gửi ngân hàng*: Được xác định theo số dư đã đối chiếu xác nhận với ngân hàng (nếu có), số phụ ngân hàng, phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

4. **Đối với hàng tồn kho:**

Bao gồm Nguyên liệu vật liệu tồn kho và công cụ dụng cụ tồn kho. Giá trị hàng tồn kho được xác định căn cứ theo Biên bản kiểm kê do Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên lập, phù hợp với số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

5. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Là các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình cấp thoát nước trên địa bàn thành phố Hưng Yên, được xác định theo số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

6. **Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác:**

- *Tài sản ngắn hạn khác*: Là khoản phí, lệ phí nộp thừa, được xác định theo số dư thực tế trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.
- *Tài sản dài hạn khác*: Là chi phí công cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ, được xác định theo số dư thực tế trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

7. **Các khoản nợ phải thu ngắn hạn:** Được xác định theo số dư thực tế trên Báo cáo tài chính, các Biên bản đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2017, hoặc chứng từ thanh toán sau thời điểm 31/12/2017. Bao gồm Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải thu ngắn hạn khác.

- *Phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn*: Bao gồm số dư các khoản công nợ phải thu của người mua và các khoản ứng trước tiền cho nhà cung cấp, đã được đối chiếu tới từng đối tượng (nếu có) hoặc đang luân chuyển tại thời điểm định giá doanh nghiệp, phù hợp với số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.
- *Phải thu ngắn hạn khác*: Là các khoản phải thu về phí vệ sinh môi trường, phải thu tạm ứng, phải thu khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về các công trình và các khoản phải thu khác, được xác định theo thư đối chiếu, xác nhận (nếu có) và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

8. **Các khoản nợ phải trả:** Được xác định theo số dư trên Báo cáo tài chính và các Biên bản đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2017, hoặc chứng từ thanh toán sau thời điểm 31/12/2017 (nếu có). Bao gồm Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả người lao động, Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và Quỹ Khen thưởng phúc lợi.

- *Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước ngắn hạn*: Bao gồm các khoản công nợ phải trả cho nhà cung cấp, các khoản ứng trước tiền của khách hàng, đã được đối chiếu tới từng đối tượng



(nếu có) hoặc đang luân chuyển tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, phù hợp với số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017.

- *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*: Là số dư các khoản thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, được xác định theo số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.
- *Phải trả người lao động*: Là khoản tiền lương, tiền công phải trả cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty, được xác định theo số dư thực tế trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.
- *Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác*: Bao gồm khoản phải trả cho Công ty CP Thương mại Hà Tây, khoản trả cho bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện và tiền mua xe ô tô của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố, được xác định theo thư đối chiếu công nợ (nếu có) và số liệu trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Được xác định theo số dư thực tế trên Báo cáo tài chính và sổ kế toán tại thời điểm 31/12/2017. Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi sau khi đã bù đắp các khoản chi quá chế độ cho người lao động (nếu có) được dùng để chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa.

9. Giá trị lợi thế kinh doanh:

Giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá theo quy định tại điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được xác định như sau:

- Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 05 năm (*bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty; xây dựng trang thông tin điện tử website của doanh nghiệp*).
- Giá trị tiềm năng phát triển được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ như sau

$$\text{Giá trị tiềm năng phát triển} = \text{Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \\ \text{Lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \end{array} \right\}$$

Trong đó:

- Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có)



và không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Vốn nhà nước được xác định bao gồm số dư: Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu - tài khoản 411; Quỹ đầu tư phát triển - tài khoản 414 và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản - tài khoản 441 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế xác định như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế bình quân 5 năm liền kề trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp}}{\text{Vốn nhà nước theo sổ kế toán bình quân 5 năm liền kề trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp}} \times 100\%$$

- Vốn nhà nước theo sổ kế toán bình quân 05 năm được xác định bằng tổng số vốn nhà nước bình quân hàng năm chia (:) cho 05. Số vốn nhà nước bình quân hàng năm được xác định trên cơ sở số vốn nhà nước đầu năm cộng với số vốn nhà nước cuối năm chia (:) cho 02.

10. Giá trị quyền sử dụng đất:

- Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp được thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:
 - + Đối với những diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để bán và xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp. Giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất là giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích được giao do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai.
 - + Trường hợp diện tích đất doanh nghiệp được giao bao gồm cả diện tích đất sử dụng cho các hoạt động sản xuất cung ứng các dịch vụ, sản phẩm công ích, phúc lợi công cộng (như công viên cây xanh, môi trường đô thị, bến bãi xe khách, đất làm công trình thủy lợi ...) không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được loại trừ những diện tích này khi xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.
 - + Đối với diện tích đất còn lại, doanh nghiệp thực hiện hình thức thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và trả tiền thuê đất hàng năm theo giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai.



11. Nguyên nhân tăng giảm giá trị phần vốn nhà nước

Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên tăng **128.357.242.108 đồng**. Chi tiết như sau:

a. Giá trị còn lại tài sản cố định đang dùng của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên tăng **126.942.492.799 đồng**, gồm:

g) Giá trị còn lại của Nhà, vật kiến trúc	tăng	120.634.342.474 đồng.
h) Giá trị còn lại của Máy móc thiết bị	tăng	367.447.487 đồng.
i) Giá trị còn lại của Phương tiện vận tải	tăng	5.940.702.838 đồng.

Chi tiết tại các Phụ lục số 03, 04, 05 và 06 kèm theo.

Nguyên nhân tăng:

- Giá trị còn lại của Nhà, vật kiến trúc tăng do nguyên giá và chất lượng còn lại của nhà, vật kiến trúc xác định lại lớn hơn so với số liệu trên sổ kế toán. Đồng thời, thẩm định viên ghi nhận tài sản là các hệ thống thoát nước của Bộ phận Thoát nước (Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và Thoát nước thành phố Hưng Yên bàn giao) mà Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2017 theo Chứng thư thẩm định giá số 1512/2017/CT-VTA/ĐS ngày 15/12/2017 do Công ty TNHH Thẩm định giá và Đại lý Thuế Việt Nam phát hành theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên, giá trị 48.580.423.839 đồng.
- Giá trị còn lại của Máy móc thiết bị tăng do chất lượng còn lại xác định lại lớn hơn so với số liệu trên sổ kế toán.
- Giá trị còn lại của Phương tiện vận tải tăng do chất lượng còn lại xác định lại lớn hơn so với số liệu trên sổ kế toán.

b. Tài sản dài hạn khác tăng **1.414.749.309 đồng**:

Nguyên nhân tăng:

Đánh giá lại giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng Công ty cổ phần tiếp tục sử dụng, ghi tăng chi phí trả trước dài hạn 1.414.749.309 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 11 và 11.1 kèm theo).

c. Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là **0 đồng**:

Giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được xác định như sau:

- 1) Giá trị thương hiệu theo hạch toán và kê khai của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là 0 đồng, do doanh nghiệp không có các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm.

02/02/2018
NG 7
HIỆM H
N VÀ Đ
TN/
Y-T

- 2) Giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 5 năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là 0,14%, thấp hơn lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm căn cứ theo Kết quả đấu thầu trái phiếu chính phủ đợt 168, 169, 170, 171 năm 2017, lãi suất trúng thầu ngày 22/11/2017 là 4,5%. Do đó doanh nghiệp không có giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển.

Chi tiết tại Phụ lục số 15 kèm theo.

d. Giá trị quyền sử dụng đất:

Theo Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa, các khu đất Công ty tiếp tục quản lý, sử dụng đều là xin thuê đất của Nhà nước, trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị quyền sử dụng đất và tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

e. Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

1) Tài sản không cần dùng chờ thanh lý:	527.873.368 đồng
- <u>Nhà cửa vật kiến trúc:</u>	527.006.494 đồng
+ Nguyên giá:	1.331.493.962 đồng
+ Khấu hao lũy kế:	804.487.468 đồng
- <u>Máy móc thiết bị:</u>	866.874 đồng
+ Nguyên giá:	461.449.787 đồng
+ Khấu hao lũy kế:	460.582.913 đồng
- <u>Phương tiện vận tải:</u>	0 đồng
+ Nguyên giá:	1.142.332.200 đồng
+ Khấu hao lũy kế:	1.142.322.200 đồng
- <u>Thiết bị dụng cụ quản lý:</u>	0 đồng
+ Nguyên giá:	124.956.900 đồng
+ Khấu hao lũy kế:	124.956.000 đồng

Đây là những tài sản thuộc khu đất dự kiến bàn giao cho địa phương, có tài sản đã tháo dỡ, đã hỏng, phương tiện hết thời gian lưu hành hoặc tài sản không có nhu cầu sử dụng nên Công ty đề nghị thanh lý.

Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo.

2) Tài sản nhận giữ hộ:	58.889.085.151 đồng
- <u>Nhà cửa vật kiến trúc:</u>	11.321.455.279 đồng
+ Nguyên giá:	165.803.102.921 đồng
+ Khấu hao lũy kế:	154.481.647.642 đồng



- Máy móc thiết bị: 35.813.752.446 đồng
 - + Nguyên giá: 83.090.588.552 đồng
 - + Khấu hao lũy kế: 47.276.836.106 đồng
- Tài sản cố định hữu hình khác: 8.966.484.867 đồng
 - + Nguyên giá: 10.024.499.940 đồng
 - + Khấu hao lũy kế: 1.058.015.073 đồng
- Súc vật, vườn cây lâu năm: 2.787.392.559 đồng
 - + Nguyên giá: 19.687.147.476 đồng
 - + Khấu hao lũy kế: 16.899.754.917 đồng
- Tài sản được giao quản lý nhưng chưa hạch toán trên Báo cáo tài chính: gồm các hạng mục công trình được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên nhưng Công ty chưa hạch toán trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017.

Tài sản nhận giữ hộ bao gồm các tài sản thuộc hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích công cộng, không nhằm mục đích kinh doanh. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hưng Yên đề nghị không tính vào giá trị doanh nghiệp, tiếp tục được giao quản lý để phục vụ lợi ích công cộng.

Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo.

II. CÁCH TIẾP CẬN TỪ THỊ TRƯỜNG - PHƯƠNG PHÁP TỶ SỐ BÌNH QUÂN:

1. **Nội dung:** Phương pháp tỷ số bình quân ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tỷ số thị trường trung bình của các doanh nghiệp so sánh.
2. **Điều kiện áp dụng:** Có ít nhất 03 doanh nghiệp so sánh. Ưu tiên các doanh nghiệp so sánh là các doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UpCom.
3. **Kết quả xác định:**

3.1. Các chỉ số tài chính của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên:

Chỉ số phản ánh quy mô doanh nghiệp (ĐVT: đồng)	
Vốn điều lệ	147.118.569.944
Doanh thu 04 quý gần nhất	58.204.610.518
Lợi nhuận gộp 04 quý gần nhất	5.663.674.699
Chỉ số phản ánh khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp (%)	
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trung bình 03 năm gần nhất (2015 đến 2017).	145,33%
Chỉ số phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (%)	
ROE	0,05
ROA	0,03

- Qua thu thập thông tin, thẩm định viên được biết hiện doanh nghiệp cần thẩm định giá có các doanh nghiệp là đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực môi trường. Các doanh nghiệp này đều đã có cổ phiếu được giao dịch trên thị trường UpCom.



- Thẩm định viên nhận định các doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh với doanh nghiệp thẩm định giá, do đó, có một số điểm tương đồng với doanh nghiệp cần thẩm định về ngành nghề kinh doanh chính, nhóm khách hàng và thị trường. Cổ phiếu của các doanh nghiệp này đã niêm yết và đang được giao dịch trên sàn UpCom. Do đó, thẩm định viên tiến hành thu thập thông tin tài chính của các doanh nghiệp này để đánh giá về sự tương đồng giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp cần thẩm định giá, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp	Chỉ số phản ánh quy mô của doanh nghiệp (triệu đồng)			Chỉ số phản ánh khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp (%)	Chỉ số phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (%)	
	Vốn điều lệ (410)	Doanh thu quý 04 gần nhất	Lợi nhuận gộp	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm liền kề	ROE	ROA
Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Đông	121.209	120.675	7.237	-83,63%	4,22	3,38
Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	134.402	102.349	15.156	-42,31%	3,27	2,58
Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Tĩnh	181.534	100.638	12.841	-42,45%	2,02	1,55
Công ty CP Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình	39.578	29.472	7.277		7,05	0,21
Công ty CP Môi trường Đô thị Phú Yên	68.300	62.147	14.888		9,13	8,51
Công ty CP Môi trường Đô thị Nha Trang	68.928	170.268	18.684	1,31%	10,18	5,97

3.2. Đánh giá sự tương đồng về các chỉ tiêu tài chính:

+ Đánh giá sự tương đồng về chỉ số phản ánh quy mô doanh nghiệp:

Chỉ số phản ánh của doanh nghiệp							
	DN cần thẩm định giá	DN1	DN2	DN3	DN4	DN5	DN6
Vốn điều lệ	147.118	121.209	134.402	181.534	39.578	68.300	68.928
		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng
Doanh thu	58.204	120.675	102.349	100.638	29.472	62.147	170.268
		Ít tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng
LN gộp	5.663	7.237	15.156	12.841	7.277	14.888	18.684
		Tương	Ít tương	Ít tương	Tương	Ít tương	Ít tương

101
C
CH
MTC
VII
GIA

		đồng	đồng	đồng	đồng	đồng	đồng
Đánh giá chung		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng

+ Đánh giá sự tương đồng về chỉ số phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp:

Chỉ số phản ánh khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp (%)							
	Doanh nghiệp cần thẩm định giá	DN1	DN2	DN3	DN4	DN5	DN6
ROE	0,05	4,22	3,27	2,02	7,05	9,13	10,18
		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng
ROA	0,03	3,38	2,58	1,55	0,21	8,51	5,97
		Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng
	Đánh giá chung	Tương đồng	Tương đồng	Tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng	Ít tương đồng

3.3. Nhận xét:

Các doanh nghiệp số 1, 2 và 3 có nhiều điểm tương đồng về mặt các chỉ số tài chính với doanh nghiệp thẩm định giá. Do đó, các doanh nghiệp này được lựa chọn là doanh nghiệp so sánh. Theo đó, tỷ số thị trường của các doanh nghiệp này được sử dụng để xác định giá trị thị trường của doanh nghiệp thẩm định giá:

3.4. Xác định các tỷ số thị trường:

a. Xác định tỷ số giá trên thu nhập:

TT	Tên công ty	Mã CK	Lợi nhuận sau thuế	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	EPS
1	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	5.112.077.422	4.787.910	1.067,7
2	Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	MLC	4.400.609.144	4.171.175	1.055
3	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Tĩnh	HTU	3.661.401.035	16.438.382	222,7

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của các doanh nghiệp tham chiếu)

Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu ngành môi trường có quy mô tương đồng

TT	Tên công ty	Mã CK	Giá đóng của thị trường tại ngày 28/05/2018	EPS	P/E
1	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	7.700	1.067,7	7,212
2	Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	MLC	9.700	1.055	9,194
3	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Tĩnh	HTU	10.100	222,7	45,352
Bình quân					20,586

b. Xác định tỷ số giá trên doanh thu:

TT	Tên công ty	Mã CK	Doanh thu	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	P/S
1	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	120.675.991.257	4.787.910	0,305
2	Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	MLC	102.349.826.256	4.171.175	0,395
3	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Tĩnh	HTU	100.638.786.058	16.438.382	1,650
Bình quân					0,783

c. Xác định tỷ số giá trên giá trị sổ sách:

TT	Tên công ty	Mã CK	Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Giá đóng của thị trường tại ngày 06/02/2018	P/B
1	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	25.320	7.700	0,304
2	Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	MLC	32.220	9.700	0,301
3	Công ty CP Môi trường Đô thị Hà Tĩnh	HTU	11.170	10.100	0,904
Bình quân					0,503

3.5. Xác định giá trị vốn chủ sở hữu theo các tỷ số thị trường:

a. Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo phương pháp P/E:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp thẩm định giá} &= \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 4 quý gần nhất của doanh nghiệp thẩm định giá} \times \text{P/E}_{\text{bình quân}} \\
 &= 68.753.788 \text{ đồng} \times 20,586 \\
 &= 1.415.365.479 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

b. Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo phương pháp P/S:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị thị trường vốn} &= \text{Doanh thu thuần 4 quý} \times P/S_{\text{ bình quân}} \\
 \text{của doanh nghiệp} & \text{ gần nhất của doanh} \\
 \text{thẩm định giá} & \text{ nghiệp thẩm định giá} \\
 &= 58.204.610.518 \text{ đồng} \quad \times 0,783 \\
 &= 45.574.210.035 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

c. Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo phương pháp P/B:

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị thị trường vốn} &= \text{Giá trị sổ sách vốn chủ} \times P/B_{\text{ bình quân}} \\
 \text{của doanh nghiệp} & \text{ sở hữu của doanh nghiệp} \\
 \text{thẩm định giá} & \text{ thẩm định giá} \\
 &= 147.118.569.944 \text{ đồng} \quad \times 0,503 \\
 &= 74.000.640.681 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

3.6. Ước tính giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp theo PP tỷ số bình quân:

Giá trị vốn chủ sở hữu doanh nghiệp thẩm định giá được xác định bằng cách lấy trung bình cộng các kết quả giá trị vốn chủ sở hữu cần thẩm định giá được xác định theo từng tỷ số thị trường bình quân và bằng: $(1.415.365.479 \text{ đồng} + 45.574.210.035 \text{ đồng} + 74.000.640.681 \text{ đồng}) / 3 = 40.330.072.065 \text{ đồng}$.

3.7. Kết luận:

Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo Phương pháp tỷ số bình quân thị trường ngành là: **40.330.072.065 đồng**.

Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp được xác định theo Phương pháp tỷ số bình quân thị trường ngành là: **40.330.072.065 đồng + 26.637.504.547 đồng = 66.967.576.612 đồng**

E. LỰA CHỌN PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾT LUẬN:

I. LỰA CHỌN PHƯƠNG PHÁP:

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong các phương pháp đã tính toán cho số liệu nói trên, chúng tôi lựa chọn phương pháp thẩm định giá là **Phương pháp tài sản**, vì những nguyên nhân sau:

- Căn cứ theo Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp được xác định và công bố đảm bảo nguyên tắc không được thấp hơn giá trị doanh nghiệp và giá trị vốn nhà nước theo Phương pháp tài sản.
- Phương pháp so sánh thị trường bị giới hạn trong trường hợp các doanh nghiệp tương đồng với doanh nghiệp thẩm định giá không có chứng khoán giao dịch trên thị trường.
- Các tỷ số về doanh nghiệp so sánh có thể không chính xác trong trường hợp thị trường đánh giá chưa phù hợp.

F. KHÁI QUÁT, KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ HẠN CHẾ:

1. Khái quát:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0900166551, đăng ký lần đầu ngày 02/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/04/2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên là:

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chi tiết: Quản lý và làm vệ sinh môi trường; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh;
- Sửa chữa thiết bị điện, chi tiết: Quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa, chi tiết: Kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại các hồ nước trong công viên trên địa bàn thành phố Hưng Yên;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng, chi tiết: Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước và thu tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước nộp ngân sách nhà nước theo quy định;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, chi tiết: Sửa chữa nhà thuộc sở hữu nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng;
- Hoạt động phục vụ dịch vụ tang lễ, chi tiết: Quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ việc tang lễ và cát táng của nhân dân; Quản lý, làm vệ sinh môi trường, quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Vui chơi giải trí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 35kv;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Kinh doanh thương mại cây xanh, cây cảnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Kinh doanh vật tư, nguyên liệu máy móc chuyên ngành công trình đô thị và vệ sinh môi trường;
- Dịch vụ tiêu thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hưng Yên và vùng lân cận;
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật./.

Một số chỉ tiêu thể hiện tình hình sản xuất kinh doanh 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

T T	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
1	Tổng tài sản	148.607.531.543	130.572.875.470	112.228.104.605	225.441.792.331	237.189.191.423
2	Vốn chủ sở hữu	26.485.576.295	31.085.576.295	36.047.719.510	119.325.667.608	147.118.569.944
3	Doanh thu thuần	33.191.483.466	34.034.454.767	45.570.455.887	59.744.582.851	58.204.610.518
4	Lợi nhuận sau thuế	14.511.823	10.742.042	14.012.319	309.159.124	68.753.788
5	Nợ phải trả	1.484.736.200	2.425.730.279	3.177.264.665	25.561.920.545	26.637.504.547
6	Nợ phải thu	820.288.742	3.647.730.219	9.471.876.796	17.240.470.785	16.431.974.854

2. Kết luận:

- Giá trị thực tế doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2017 là **306.129.475.011 đồng**.
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2017 là **279.491.970.464 đồng**.

3. Hạn chế:

- Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý của số liệu Báo cáo tài chính đã cung cấp cho Thẩm định viên.
- Đến thời điểm phát hành Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên đã tiến hành đối chiếu được 58,08% giá trị công nợ phải thu và 54,7% giá trị công nợ phải trả, chưa thực hiện kiểm tra thuế năm 2017. Sau khi thực hiện đối chiếu đầy đủ công nợ và kiểm tra thuế, nếu có chênh lệch sẽ điều chỉnh cho phù hợp.
- Tài sản là các hệ thống thoát nước của Bộ phận thoát nước Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017, nguyên giá 78.908.143.205 đồng, giá trị còn lại 48.580.423.839 đồng, thẩm định viên tạm thời ghi nhận căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 1512/2017/CTA-VTA/ĐS ngày 15/12/2017 do Công ty TNHH Thẩm định giá và Đại lý Thuế Việt Nam phát hành theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên.
- Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý của Công ty có nguyên giá theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2017 là **3.060.232.849 đồng**, giá trị còn lại **527.873.368 đồng**, Tài sản nhận giữ hộ có nguyên giá **278.605.338.889 đồng**, giá trị còn lại **58.889.085.151 đồng** (Chi tiết tại Phụ lục số 08) chưa thực hiện điều chỉnh trên Bảng cân đối kế toán, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên có trách nhiệm trình cơ quan thẩm quyền xem xét, phê duyệt và xử lý, chuyển giao theo quy định hiện hành.
- Giá trị doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước bao gồm cả lợi nhuận sau thuế chưa phân phối **292.902.336 đồng** Công ty chưa phân phối theo quy định hiện hành tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.



**SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Số: 160/QĐ-SGDHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên

**TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức Hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2398/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần ra công chúng ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-UBCK ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22/3/2019 giữa Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên và CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức đấu giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định này do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quyết định.

Điều 3. Giám đốc Phòng Tổng hợp – Pháp chế, Trưởng Ban Tổ chức đấu giá, thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- HĐQT (để b/c);
- Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên;
- Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên;
- Các đại lý đấu giá;
- Lưu VT, BĐG.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tuấn Anh

QUY CHẾ

Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 160./QĐ-SGDHN ngày 28.../3.../2019
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên được thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cổ phần hóa* là Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên.
2. *Bán đấu giá cổ phần* là hình thức bán cổ phần của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên công khai cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá.
3. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).
4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên.
5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên.
6. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần* là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.
8. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng/cổ phần.
9. *Giá khởi điểm* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá.
10. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp.
11. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp.
12. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào



Phiếu tham dự đấu giá.

13. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia mua cổ phần ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần.

14. *Cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá* bao gồm số lượng cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần;
- b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần;
- c) Sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua;
- d) Đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai.

15. *Cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công* là cuộc đấu giá thuộc một trong những trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 40/2018/TT-BTC), bao gồm những trường hợp sau:

- a) Không có nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- c) Tất cả các nhà đầu tư không nộp phiếu tham dự đấu giá;
- d) Tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

16. *Ban tổ chức đấu giá* là tổ chức do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thành lập để thực hiện việc bán đấu giá cổ phần và các công việc liên quan theo quy định.

17. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp đấu giá, đại diện Ban tổ chức đấu giá, đại diện tổ chức tư vấn bán cổ phần và đại diện nhà đầu tư (nếu có). Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

18. *Đại lý đấu giá* là các công ty chứng khoán tham gia vào việc tổ chức đấu giá trên cơ sở hợp đồng đại lý với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

19. *Nhập lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán* là việc nhập các thông tin

trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá trực tiếp tại trụ sở Sở Giao dịch chứng khoán.

20. *Nhập lệnh tại Đại lý đấu giá* là việc nhập các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá trực tiếp tại trụ sở Đại lý đấu giá.

21. *Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa* là Đại lý đấu giá đáp ứng đủ các điều kiện và được Sở Giao dịch chứng khoán lựa chọn để thực hiện việc nhập lệnh tại Đại lý đấu giá.

22. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá* là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống và đã xác định được kết quả đấu giá.

23. *Ngày kết thúc việc bán cổ phần* là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký bán đấu giá và các tài liệu liên quan đến cổ phần hóa cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo mẫu và danh mục tài liệu quy định tại Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC, đồng gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để thực hiện đồng thời việc đăng ký bán đấu giá bán cổ phần với đăng ký mã cổ phần, đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch số cổ phần trúng đấu giá;

2. Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cổ phần hóa ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần khi doanh nghiệp thực hiện bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;

4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa. Thực hiện công bố, cung cấp cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp cổ phần hóa trước khi bán cổ phần theo quy định. Trường hợp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa;

5. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố công khai cho nhà đầu tư và trên cổng thông tin điện tử Chính phủ thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá theo các nội dung tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

6. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thuyết trình về doanh nghiệp cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);

7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

8. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo Khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

9. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá công bố kết quả đấu giá cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

11. Chịu trách nhiệm xử lý đối với số lượng cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;

2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ và phiếu tham dự đấu giá;

3. Xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo Khoản 4 Điều 16 Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp (bao gồm cả phương án cổ phần hóa, dự thảo điều lệ của công ty cổ phần) cho Ban Chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp và thông tin về cuộc đấu giá cổ phần chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá theo Khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo Khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

5. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư sau khi hoàn thành đợt đấu giá;

6. Thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bao gồm:

- Lộ trình và tiến độ triển khai cổ phần hóa;
- Các thông tin về doanh nghiệp (trong đó có phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, các diện tích đất đang có tranh chấp cần tiếp tục giải quyết - nếu có);
- Các vấn đề về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, phương pháp định giá và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;
- Phương án cổ phần hóa, tình hình và kết quả triển khai phương án cổ phần hóa;
- Tình hình quản lý và sử dụng đất đai;
- Phương án sắp xếp và mua cổ phần của người lao động;
- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đăng ký thông tin chính thức với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, bao gồm: thông tin về tổ chức phát hành cổ phần; thông tin về cổ phần phát hành; thông tin về danh sách tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần và số lượng cổ phần sở hữu, bao gồm cả số cổ phần đã bán cho nhà đầu tư chiến lược, tổ chức công đoàn và người lao động.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

1. Yêu cầu Ban Chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa theo quy định;
2. Thành lập Ban tổ chức đấu giá theo quy định;
3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;
4. Xây dựng và ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;
5. Lựa chọn phương thức nhập lệnh (nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần hoặc nhập lệnh tại Đại lý đấu giá);
6. Thông báo việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các công ty chứng khoán trước khi thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định và trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá tối thiểu hai mươi hai (22) ngày làm việc. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Đại lý đấu giá;
7. Thông báo với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;
8. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy

chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Tổ chức thực hiện bán đấu giá chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

9. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần của các Đại lý đấu giá;

10. Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký theo báo cáo của các Đại lý đấu giá với số lượng đăng ký trên hệ thống sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá cổ phần về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

11. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả đấu giá chính thức;

12. Tổ chức đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

13. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

14. Phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hoá công bố kết quả đấu giá cổ phần, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này và thu tiền mua cổ phần theo quy định;

15. Gửi kết quả đấu giá cho các Đại lý đấu giá;

16. Chuyển tiền thu từ bán cổ phần và tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) theo Điều 18, Điều 22 Quy chế này;

17. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần;

18. Thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

19. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá

1. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;

2. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Tổ chức thực

cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần của nhà đầu tư;

14. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp cổ phần hóa và cuộc đấu giá theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần cho Đại lý đấu giá theo Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC và nhận Phiếu tham dự đấu giá;

3. Thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư tại công ty cổ phần và các quy định pháp luật liên quan trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần;

4. Nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm;

5. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

6. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định;

7. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

8. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này.

Điều 9. Công bố thông tin

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa và Đại lý đấu giá thông báo về việc bán đấu giá theo Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC (bao gồm cả bản Tiếng Anh) chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá. Việc thông báo được thực hiện trên các phương tiện sau đây:

a) Ba (03) số liên tiếp của các báo: Đại Đoàn Kết, Hưng Yên;

Website: hungyen.gov.vn, www.hnx.vn, www.abs.vn, www.ibsc.vn, www.vndirect.com.vn, www.shs.com.vn, www.tvsi.com.vn, www.fpts.com.vn, www.aseansc.com.vn, www.vn-cs.com, www.hsc.com.vn, www.bvsc.com.vn, www.vdsc.com.vn, www.phs.vn, www.dag.vn, www.kisvn.vn, www.vcb.com.vn, www.maybank-kimeng.com.vn, www.bsc.com.vn, www.irs.com.vn, www.ivs.com.vn, www.sbsc.com.vn, <https://www.ssi.com.vn>; www.apec.com.vn; vpsc.com.vn.

b) Cổng thông tin điện tử Chính phủ: www.chinhphu.vn;

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa, Đại lý đấu giá công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa và đợt đấu giá chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

– Thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hoá theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC. Trường hợp bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán, bản thông tin liên quan đến doanh nghiệp bao gồm cả bản tiếng Anh;

- Phương án cổ phần hoá;
- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;
- Mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, 7b kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC (bao gồm cả bản tiếng Anh);
- Quy chế bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp;
- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- + Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- + Website: www.hnx.vn
- Cơ quan đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên
- + Địa chỉ: Số 10 Đường Chùa Chuông-Thành Phố Hưng Yên
- + Website: hungyen.gov.vn
- Doanh nghiệp cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên
- + Địa chỉ: Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Các Đại lý đấu giá nhận đăng ký nêu tại Khoản 4 Điều 12 Quy chế này:
- + Địa chỉ: Chi tiết tại Phụ lục 05 đính kèm Quy chế này
- + Website: hungyen.gov.vn, www.hnx.vn, www.abs.vn, www.ibsc.vn, www.vndirect.com.vn, www.shs.com.vn, www.tvsi.com.vn, www.fpts.com.vn, www.aseansc.com.vn, www.vn-cs.com, www.hsc.com.vn, www.bvsc.com.vn, www.vdsc.com.vn, www.phs.vn, www.dag.vn, www.kisvn.vn, www.vCBS.com.vn, www.maybank-kimeng.com.vn, www.bsc.com.vn, www.irs.com.vn, www.ivs.com.vn, www.sbsc.com.vn, www.apec.com.vn; <https://www.ssi.com.vn>; vcsc.com.vn.

Điều 10. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà đầu tư trong nước:

– Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ

và có đủ năng lực hành vi dân sự;

– Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ.

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

– Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

– Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

– Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

c) Các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận uỷ thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm các đối tượng sau:

a) Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d khoản này.

Điều 11. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ

phần xác định:

1. Số lượng cổ phần chào bán: 6.964.471 cổ phần;
2. Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông;
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
4. Giá khởi điểm: 18.777 đồng/cổ phần;
5. Bước giá: 01 đồng;
6. Bước khối lượng: 100 cổ phần (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán);
7. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phần (áp dụng đối với cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);
8. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: 6.964.471 cổ phần (áp dụng đối với cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);
9. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua: tối đa 6.964.471 cổ phần;
10. Số mức giá: 02.
11. Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa 02 (hai) mức giá đặt mua; khối lượng đặt mua tối thiểu là 100 cổ phần và đặt theo bội số của 100 (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán); tổng khối lượng đặt mua đúng bằng số cổ phần đã đăng ký.

Điều 12. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần
Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.
2. Nộp tiền đặt cọc
 - a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Đại lý đấu giá **trước 15 giờ 30 phút ngày 19 tháng 4 năm 2019**;
 - b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.
3. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá
Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước:

– Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này, được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan công chứng, chứng thực có thẩm quyền, kèm theo xuất trình chứng minh

nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền.

– Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:

– Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

– Giấy uỷ quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận uỷ quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

– Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình:

– Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;

– Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: **Từ 08 giờ 00 phút ngày 28 tháng 3 năm 2019 đến 15 giờ 30 phút ngày 19 tháng 4 năm 2019**

(Sáng từ 8h00 - 12h00; chiều từ 13h00 – 17h00 các ngày làm việc)

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: Đại lý đấu giá (theo danh sách đính kèm tại Phụ lục 05 Quy chế này);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc huỷ đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp huỷ đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị huỷ đăng ký tham gia đấu giá gửi Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua theo Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Đại lý đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xoá hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

– Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại lý đấu giá: **Chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2019;**

– Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Đại lý đấu giá: **Chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2019;**

– Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Đại lý đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa, nhà đầu tư phải yêu cầu Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy chế này đề nghị Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 14. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

2. Thời gian tổ chức đấu giá: **8 giờ 30 phút ngày 26 tháng 04 năm 2019;**

3. Đại lý đấu giá có trách nhiệm kết thúc nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư **trước 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2019;**

4. Đại lý đấu giá chuyển hòm Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần **chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 25 tháng 4 năm 2019.**

Điều 15. Xem xét các điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần sẽ kiểm tra và xác định rõ:

a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;

b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá.

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 16. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, Trưởng Ban tổ chức đấu giá hoặc người được uỷ quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

a) Tên doanh nghiệp cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;

b) Số lượng đại lý đấu giá tham gia và số hòm phiếu nhận được;

14
16

c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu giá;

d) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá

Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần;

3. Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư, theo đó nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng thầu thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{n nhà đầu tư} \\ \text{được mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số cổ phần còn lại} \\ \text{chào bán} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư} \\ \text{đăng ký mua} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần các nhà đầu} \\ \text{tư đăng ký mua} \end{array}}$$

c) Trường hợp phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

d) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa, đại diện Hội đồng bán đấu giá cổ phần và đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần lập và đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 17. Thông báo kết quả đấu giá

1. Trong thời gian tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản xác định kết quả đấu giá, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ chức thực hiện bán

đấu giá cổ phần phối hợp công bố kết quả đấu giá cổ phần trên các website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư cho các Đại lý đấu giá trong vòng một (01) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

3. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Đại lý đấu giá trong vòng bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư không nhận kết quả tại Đại lý đấu giá, Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện ngay trong ngày làm việc tiếp theo (ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày công bố kết quả đấu giá).

Điều 18. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần **từ ngày 02 tháng 5 năm 2019 đến chậm nhất 16 giờ 00 phút ngày 11 tháng 5 năm 2019.**

2. Nhà đầu tư được bù trừ tiền thanh toán mua cổ phần và tiền đặt cọc theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần

a) Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản của Đại lý đấu giá (nơi nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký) theo thông tin nêu tại Phụ lục 05 của Quy chế này.

b) Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua cổ phần của nhà đầu tư đồng thời chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư về Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tài khoản số: 1221.00000.52920 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành sau hai (02) ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần.

c) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần về tài khoản của doanh nghiệp cổ phần hóa và Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

d) Trường hợp Đại lý đấu giá chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi cho bên bị chậm trả theo ngày trên số tiền chậm chuyển theo mức lãi suất tại Ngân hàng nơi Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần mở tài khoản áp dụng trong trường hợp các bên liên quan không có thỏa thuận khác.

đ) Trường hợp Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi theo quy định tại

Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

- a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo Khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;
- c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;
- đ) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm tại Khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 20. Xử lý số cổ phần chưa bán hết trong cuộc đấu giá công khai

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định được số cổ phần không bán hết, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để xử lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 21. Xử lý trường hợp cuộc đấu giá bán không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công để xử lý theo quy định.

Điều 22. Xử lý tiền đặt cọc

1. **Chậm nhất ngày 03 tháng 5 năm 2019**, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần cho các Đại lý đấu giá.

2. **Từ ngày 03 tháng 5 năm 2019 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019**, Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền đặt cọc cho nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần.

3. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua cổ phần. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu

giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Đại lý đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

4. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo Khoản 1 Điều 19 Quy chế này, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chuyên tiền theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 23. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Ban tổ chức đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục số 01
PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng năm 20...

Mã số:..... (Do Hội đồng đấu giá cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu..... Ngày cấp Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: Mở tại

Số cổ phần đăng ký mua:.....

Giá khởi điểm:

Ngày tổ chức đấu giá:.....

Số tiền đặt cọc đã nộp:.....(Bằng chữ:.....)

Ngày thanh toán:.....

Ngày trả tiền đặt cọc:.....

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần của ..., tôi/chúng tôi đồng ý đấu giá mua cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bằng số	Bằng chữ	
1			
2...			
Tổng số:			

Tên tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá
(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phụ lục số 02
GIẤY ỦY QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng năm 20...

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng bán đấu giá cổ phần

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....
Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấpNơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Tên người đại diện (đối với nhà đầu tư tổ chức):.....
CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấpNơi cấp.....
Do không có điều kiện tham dự trực tiếp đấu giá cổ phần tạiđược tổ chức vào ngày....., nay tôi:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):.....
CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấpNơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....

Thay mặt tôi tham gia đấu giá cổ phần của ..., bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào đơn, nộp tiền đặt cọc và nộp hồ sơ đăng ký tham gia mua cổ phần).
2. Ghi giá, khối lượng, ký nhận vào phiếu tham gia đấu giá và trực tiếp tham gia phiên đấu giá.

Ông (Bà) có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của Công ty..., không được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

Người được ủy quyền
(ký, họ tên)

Người ủy quyền
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG, XÃ HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN

(trường hợp người uỷ quyền là cá nhân)

Phụ lục số 03
ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán....

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Mã số nhà đầu tư:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tôi đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty cổ phần... tại ...

Nay chúng tôi/tôi đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty ... với lý do:.....

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Tên tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá
(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phụ lục số 04
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán...

Tên tổ chức/cá nhân:
Số CMND/ Số ĐKKD: Ngày cấp..... Nơi cấp.....
Mã số nhà đầu tư.....
Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:
Số tài khoản: Mở tại
Ngày, chúng tôi/tôi đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần Công ty.....
Với số lượng:.....(Viết bằng chữ:)
Và đã đặt cọc số tiền:.....(Viết bằng chữ) tương đương 10% giá trị đăng ký theo giá khởi điểm.

Tại

Nay chúng tôi/tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,...(đính kèm theo đơn này)
- Mất phiếu tham dự đã cấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của chúng tôi/tôi thì chúng tôi/tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi/tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật.

Tên tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá
(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phần dành cho Đại lý đấu giá/Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:
Xác nhận đã nhận đơn đề nghị của nhà đầu tư:
Số CMND/Căn cước công dân/(ĐKKD).....vào lúc.....giờ.....ngày.....

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục số 05

DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ ĐẦU GIÁ

TAI HÀ NỘI:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.39446666 Fax: 024.39448071

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 020 002 982 529 của CTCP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nội;

(2) Đăng ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39300425 Fax: 024 39360262

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0011.0042.06033 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch;

(3) Đăng ký tại Trụ sở chính CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.38181888 Fax: 024.38181688

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1001085159 của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh SHB Hà Nội.

(4) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 0243.9741770 Fax: 0243.9741767

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1460.0000.0094 của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân - Hà Nội;

(5) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Bảo Việt

Địa chỉ: Tầng 2&3, 72 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39288080 Fax: 024.39289888

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

+ Số **1221.0000.324504** của CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành;

+ Số **0071.026689005** của CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Trụ sở chính;

(6) Đăng ký tại Phòng Giao dịch số 1 - CTCP Chứng khoán Bảo Việt

Địa chỉ: Số 94 Bà Triệu - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.39288080

Fax: 024.39289888

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

+ Số **1221.0000.324504** của CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành;

+ Số **0071.026689005** của CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Trụ sở chính;

(7) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39352722

Fax: 024 22200669

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số **12310000163777** của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung;

(8) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 39724568

Fax: 024 39724600

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số **099.100.0555.888** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT mở tại Ngân hàng VCB Tây Hồ.

- Số **122.100.0082.7979** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT mở tại Ngân hàng BIDV Hà Thành.

- Số **190.207.967.99041** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT mở tại Ngân hàng Techcombank Sở giao dịch.

- Số **007.102.456.8005** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT mở tại Ngân hàng Bảo Việt Bank Hội sở.

(9) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán TP Hồ Chí Minh - CN Hà Nội

Địa chỉ: Lầu 4&5, Tòa nhà số 66A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39334693

Fax: 024 39334822

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **211.10.00.02.0743.7** của Chi nhánh Hà Nội - CTCP Chứng khoán TP. HCM mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Nội;

(10) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024 37737068

Fax: 024 37739056

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số

122.10.00.031913.9 của CTCP Chứng khoán FPT mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành;

(11) Đăng ký tại Trụ sở chính CTCP Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 101 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.35624626 Fax: 024.35624628

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0111003713004 của CTCP Chứng khoán An Bình mở tại Ngân hàng An Bình – Chi nhánh Hà Nội.

(12) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Rồng Việt - CN Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.628802006 Fax: 024.62882008

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 8.6868.96868 của CTCP Chứng khoán Rồng Việt – chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng ACB – Phòng giao dịch Kim Liên, Hà Nội.

(13) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, Số 88 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39428076 Fax: 024.39410233

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua quyền mua cổ phần: Số 12210000407760 của Chi nhánh Hà Nội - CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

(14) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán IB

Địa chỉ: Tầng 8 toà nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 44568888 Fax: 024 39785380

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1221.0000.825380 của CTCP Chứng khoán IB mở tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành.

(15) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39334566 Fax: 024.39334820

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(16) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng – Chi nhánh Thanh Xuân

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62509999 Fax: 024.62506666

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(17) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.9445175 Fax: 0243.9445178

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số 001 11706 0348 của Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh Hà Nội;

- Số 1231.0000.063895 của Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quang Trung.

(18) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Phòng số 06, Tầng 3A, Tòa nhà Horison, số 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

(19) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Địa chỉ: F301, Tầng 3, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.39260099 Fax: 024.39263411

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1221.0001.435180 của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

(20) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Tân Việt

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Thông tấn xã Việt Nam, 79 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.7280921 Fax: 0243.7280920

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

+ Số 001.100.1954698 của CTCP Chứng khoán Tân Việt mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở Giao dịch;

+ Số 12210000647380 của CTCP Chứng khoán Tân Việt mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

(21) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Asean

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn

Điện thoại: 024 62753844

Fax: 024 62753816

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua quyền mua cổ phần: Số 002 003 000 99999 của CTCP Chứng khoán Asean mở tại Ngân hàng SeaBank – Sở giao dịch, TP. Hà Nội.

(22) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: P9-10, Tầng 1, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 35730073

Fax: 024 35730088

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1221.0000.308562 của CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành.

(23) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 028.39148585

Fax: 028.38216898

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.00.010139.6 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

(24) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 1C Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.9366321

Fax: 0243.9366320

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số 222.10.000.061.688 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân;

- Số 2001079-001 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng IVB Đồng Đa;

(25) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – PGD Trần Hưng Đạo

Địa chỉ: Tầng 10, Số 109 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.9413383

Fax: 0243.9413385

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 99999722.9999 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long, Phòng giao dịch Thủ Đô;

(26) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Chi nhánh Mỹ Đình

Địa chỉ: A001, Tầng G, Tháp The Manor, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.7946699

Fax: 0243.7946677

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 2221 0000 210 587 của CTCP Chứng khoán SSI – chi nhánh Mỹ Đình mở tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân;

(27) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – PGD Nguyễn Chí Thanh

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà TNR Tower, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.7734999

Fax: 0243.7714999

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 011.010101.73357 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng Maritime Bank – Hội sở chính;

(28) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, Số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.35771966

Fax: 024.35771966

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 1221 0000 232865 của CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Thành;

(29) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, Số 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.62626999

Fax: 024.62782688

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 12210000634896 của CTCP Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng BIDV – CN Hà Thành;

TAI TP HỒ CHÍ MINH:

(1) Đăng ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. HCM

Địa chỉ: Tầng 1&7, Tòa nhà Greenstar, số 70 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38208116

Fax: 028.38208117

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0371.0004.12445 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định;

(2) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1 và 3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thanh Bình, quận I, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3915.1368

Fax: 028.3915.1369

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1000007367 của Chi nhánh Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh SHB Hồ Chí Minh.

(3) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi

nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP Hồ Chí Minh -

Điện thoại: 0283.8213569

Fax: 0283.8200899

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số **1410.0000.0008** của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh;

(4) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 8, Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3914 6888

Fax: 028. 3914 7999

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

+ Số **1191.0000.095684** của Chi nhánh CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

+ Số **003.10.99.99.8008** của Chi nhánh CTCP Chứng khoán Bảo Việt mở tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;

(5) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38218508

Fax: 028 38218510

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số **11910000051400** của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(6) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán VNDIRECT – CN TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028 39146925

Fax: 028 39146924

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số **007 100 390 6720** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT - Chi nhánh TP. HCM mở tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh;

- Số **191.306.5907.5018** của CTCP Chứng khoán VNDIRECT - Chi nhánh TP. HCM mở tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Pasteur;

(7) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 5, số 76 Lê Lai, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38233299

Fax: 028.3833301

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **1191.0000.051817** của CTCP Chứng khoán TP. HCM mở tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(8) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3 – Tòa nhà Bến Thành Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.62908686

Fax: 028.62910607

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 310.10.00.0576111 của CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;

(9) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán An Bình – Chi nhánh TP. HCM

Địa chỉ: P201, Tòa nhà Smart View, Số 161-163 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38389655

Fax: 028.38389656

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0111003713004 của CTCP Chứng khoán An Bình mở tại Ngân hàng An Bình – Chi nhánh Hà Nội;

(10) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Rồng Việt

Địa chỉ: Số 141 Nguyễn Du, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.6299.2006

Fax: 028.3827.0868

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 2110.14851.224049 của CTCP Chứng khoán Rồng Việt mở tại Ngân hàng Eximbank – Tao Đàn - Hồ Chí Minh;

(11) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 62686868

Fax: 028 62555939

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua quyền mua cổ phần: Số 060005990011 của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(12) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán IB – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Maritime Bank, 180-192 Nguyễn Công Trứ, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 44568888

Fax: 028 38210789

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1221.0000.825380 của CTCP Chứng khoán IB mở tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành.

(13) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Phú Hưng

Địa chỉ: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q.7, TP. HCM

Điện thoại: 028.54135479

Fax: 028.54135472

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(14) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng – Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ: Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q.7, TP. HCM

Điện thoại: 028.54135478

Fax: 028.54135473

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(15) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng – Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ: Tầng trệt, P.G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: 028.38132401

Fax: 028.38132415

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(16) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng – Chi nhánh Quận 3

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 028.38208068

Fax: 028.38208206

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank - chi nhánh Sài Gòn.

(17) Đăng ký tại Hội sở Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Địa chỉ: Tầng 2 và Tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3833 6333

Fax: 028.3833 3891

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số **000.15255.0319** của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng Đông Á – Chi nhánh Quận 3, TP. HCM

- Số **1191.0000.057125** của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. HCM;

(18) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3821.8666

Fax: 028.3914.4372

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần:

- Số **001.93493.0520** của Chi nhánh Sài Gòn - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng Đông Á – Chi nhánh Quận 1, TP. HCM

- Số **1191.0000.110693** của Chi nhánh Sài Gòn - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. HCM;

(19) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng

Địa chỉ: Tầng 4A-15+16, Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 44555888 Fax: 028 38271030

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

(20) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng – chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: Khu vực D7 (Tầng 1), cao ốc Tân Đà, Số 86 Tân Đà, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 44555888 Fax: 028 38271030

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

(21) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng – chi nhánh Phú Nhuận

Địa chỉ: Số 456 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 44555888 Fax: 028 38271030

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

(22) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Tân Việt – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 193 – 203 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38386868 Fax: 028 39207542

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 001.010.009.210.0002 của CTCP Chứng khoán Tân Việt – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Công Quỳnh;

(23) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Asean – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 11, số 78-80 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39330308 Fax: 028 39330380

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua quyền mua cổ phần: Số 002 003 000 99999 của CTCP Chứng khoán Asean mở tại Ngân hàng SeaBank – Sở giao dịch, TP. Hà Nội.

(24) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028.39148585 Fax: 028.38216898

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.00.010139.6 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam mở tại Ngân hàng

BIDV - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

(25) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38242897 Fax: 028 38242957

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.000.113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(26) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI - CN Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: Tòa nhà TNR, Tầng 7, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38218567 Fax: 028.62910590

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.000.113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(27) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Phòng Giao dịch Phạm Ngọc Thạch

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Itower, số 49 đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38245079 Fax: 028.38245077

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 060097813313 của CTCP Chứng khoán SSI mở tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Sài Gòn, Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch, TP. HCM;

(28) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Royal Center, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.36220123 Fax: 028.36226667

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.000.113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(29) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, Số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.36222666 Fax: 028.36222333

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.000.113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(30) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh

Địa chỉ: 11 đường D2, Shophouse Saigon Pearl, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.36222233 Fax: 028.36222277

Điện thoại: (0236) 3525777 Fax: (0236) 3525779

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **100.003.5438** của Chi nhánh Đà Nẵng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh SHB Đà Nẵng.

(3) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: 0243.9741771 (Máy lẻ: 3203) Fax: 0236.3584788

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **117.002.642.039** của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn;

(4) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán FPT - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 023 63553666 Fax: 023 63553888

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **6666.7979.025** của CTCP Chứng khoán FPT - Chi nhánh TP. Đà Nẵng mở tại Ngân hàng Tiên Phong - chi nhánh Đà Nẵng;

(5) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 17 Đặng Tử Kính, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3653992 Fax: 0236.3653991

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **0111003713004** của CTCP Chứng khoán An Bình mở tại Ngân hàng An Bình - chi nhánh Hà Nội;

TAI HUẾ:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương - Chi nhánh Huế

Địa chỉ: Tầng 9, số 28 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế

Điện thoại: 0254.3882882 Fax: 0254.3882881

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số **1221 0000 232865** của CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Thành.

TAI HẢI PHÒNG:

(1) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Phú Hưng - Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3841810 Fax: 0225.3841801

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số **1401 14851 00 2285** của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank -

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119.10.000.113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(31) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – Phòng Giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Lim 2, 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.36227788 Fax: 028.36225666

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 119 10000 113692 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nguyễn Công Trứ mở tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;

(32) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 4, 130 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.39151956 Fax: 028.39151955

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 1221 0000 232865 của CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Thành;

(33) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Bản Việt

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Vinatex, số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028.39143588 Fax: 028.39143577

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 12210000634896 của CTCP Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội mở tại Ngân hàng BIDV – CN Hà Thành;

TAI ĐÀ NẴNG:

(1) Đăng ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa nhà Thành Lợi, số 135 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3888991 Fax: 0511 3888881

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0011.0042.06033 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch;

(2) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – CN Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3525777 Fax: (0236) 3525779

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 100.003.5438 của Chi nhánh Đà Nẵng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh SHB Đà Nẵng.

(3) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: 0243.9741771 (Máy lẻ: 3203) Fax: 0236.3584788

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 117.002.642.039 của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn;

(4) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán FPT - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 023 63553666 Fax: 023 63553888

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 6666.7979.025 của CTCP Chứng khoán FPT - Chi nhánh TP. Đà Nẵng mở tại Ngân hàng Tiên Phong - chi nhánh Đà Nẵng;

(5) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 17 Đặng Tử Kính, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3653992 Fax: 0236.3653991

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 0111003713004 của CTCP Chứng khoán An Bình mở tại Ngân hàng An Bình - chi nhánh Hà Nội;

TAI HUẾ:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương - Chi nhánh Huế

Địa chỉ: Tầng 9, số 28 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế

Điện thoại: 0254.3882882 Fax: 0254.3882881

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: số 1221 0000 232865 của CTCP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Thành.

TAI HẢI PHÒNG:

(1) Đăng ký tại Trụ sở CTCP Chứng khoán Phú Hưng - Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3841810 Fax: 0225.3841801

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1401 14851 00 2285 của CTCP Chứng khoán Phú Hưng mở tại Ngân hàng Eximbank -

chi nhánh Sài Gòn.

(2) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3569.123

Fax: 0225.3569.130

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua quyền mua cổ phần: số 3313968-001 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hải Phòng mở tại Ngân hàng Indovinabank - chi nhánh Hải Phòng.

TAI ĐỒNG NAI:

(1) Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng – chi nhánh Đồng Nai

Địa chỉ: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

TAI NHA TRANG:

(1) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Rồng Việt – CN Nha Trang

Địa chỉ: 50 Bis Yersin, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.3820006

Fax: 0258.3820008

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1200.14851.006526 của CTCP Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Nha Trang mở tại Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Nha Trang;

(2) Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – chi nhánh Nha Trang

Địa chỉ: Tầng 3, cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, phường Phương Sài, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.3816969

Fax: 0258.3816968

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 050.100.260.678 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Nha Trang mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa.

TAI VŨNG TÀU

1. Đăng ký tại CTCP Chứng khoán SSI – chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: 04 Lê Lợi, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3521.906

Fax: (0254) 3521.907

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 05170407777779 của CTCP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Vũng Tàu mở tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu.

TAI AN GIANG:

- (1) **Đăng ký tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng – chi nhánh An Giang**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 200115056 501416 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng mở tại Ngân hàng Eximbank – Phòng giao dịch Bến Thành, TP. HCM.

TAI CẦN THƠ:

- (1) **Đăng ký tại CTCP Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Cần Thơ**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Sacombank, Số 95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0292.3817578

Fax: 0292.3818387

Tài khoản đăng ký nhận tiền đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: Số 1003.14851.013771 của CTCP Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Cần Thơ mở tại Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Cần Thơ.